

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2017

V/v Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Lũy.

2. Bà Trần Ngọc Anh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2016/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016, về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, Xin ly hôn và nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978.

2. Bị đơn: Anh Trương Thanh H, sinh năm 1979.

Cùng nơi cư trú ấp PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị Y có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20-6-2016; bản tự khai ngày 17-10-2016; biên bản hòa giải ngày 20-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang và lời khai tại phiên tòa thì chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị với anh H thành vợ chồng vào năm 1995 tự lập, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi và chính thức ly thân từ đây đến nay.

- Con chung có 02 đứa tên Trương Thanh S, sinh ngày 28-4-1996, chưa có gia đình và lao động được do khó khăn trong đi lại và sinh hoạt đang sống với chị và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 01-02-2000, đang sống với chị.

- Về tài sản; về nợ phải thu và nợ phải trả: Không có.

- Yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh H.

+ Về quan hệ con chung: Được tiếp tục nuôi 02 con, tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về quan hệ tài sản; nợ phải thu và nợ phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 20-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang thì anh H khai về hôn nhân, về con chung, về tài sản, về nợ phải thu và nợ phải trả là hoàn toàn đúng như lời khai trên đây của chị Y.

- Yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Y kiên quyết xin ly hôn, anh H sẽ đồng ý.

+ Về quan hệ con chung: Đồng ý cho chị Y được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, anh không phải cấp dưỡng.

+ Về quan hệ tài sản; nợ phải thu và nợ phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

- Anh H có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

Chị Y và anh H chung sống đến năm 2010 thì ly thân, lúc bấy giờ chị Y 22 tuổi, anh H 21 tuổi, đáng lẽ anh chị phải đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời tại điểm c, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội quy định “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa

án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Do đó, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Y với anh H.

- Chị Y và anh H có 02 đứa con chung tên Trương Thanh S, sinh ngày 28-4-1996, chưa có gia đình và lao động được do khó khăn trong đi lại và sinh hoạt và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 01-02-2000, đang sống với chị Y, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và anh H đồng ý, vì vậy HĐXX tiếp tục giao cho chị Y nuôi dưỡng. Đáng lẽ anh H phải cấp dưỡng nuôi đứa con tên T, vì cháu chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đối với đứa con tên Trương Thanh S, sinh ngày 28-4-1996, tuy đã thành niên nhưng chưa có gia đình và lao động được do khó khăn trong đi lại và sinh hoạt đáng lẽ anh H phải cấp dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị Y không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng 02 con, vì vậy anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ phải thu: Chị Y và anh H thống nhất khai không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

- Về nợ phải trả: Chị Y và anh H thống nhất khai không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: Chị Y phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4]. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Y là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét. Tuy nhiên đối với hôn nhân của chị Y và anh H không đăng ký kết hôn, vì vậy theo pháp luật quy định không công nhận là quan hệ vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điểm c, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội;

- Khoản 8 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y với anh Trương Thanh H.

- Về quan hệ con chung:

+ Chị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con tên Trương Thanh S, sinh ngày 28-4-1996 và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 01-02-2000. Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng không ai được ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

+ Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí DSST:

+ Chị Y phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0012552 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang (Chị Y không phải nộp thêm).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng

